

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-11-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Kim Quyên

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia Đình thụ lý số: 133/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST- HNGĐ ngày 11/11/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Thành phố H. *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thanh Kim H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Long An. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/12/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày: ông và bà H cưới nhau vào năm 2000, do tìm hiểu tự nguyện, sau đó có đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/2002 tại UBND xã L, huyện C, Thành phố H. Trong thời gian vợ chồng sống chung thường hay cãi vã do tính tình không hòa hợp, vợ chồng không yêu thương nhường nhịn nhau nên phát sinh mâu thuẫn làm cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2004 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, bà H cũng không có thiện chí hàn gắn với ông. Nay ông nhận

thấy giữa ông và bà H ly thân đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm và không có khả năng hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 26/4/2002 và Phạm Thành S, sinh ngày 13/7/2003 hiện đều đang sống với ông từ lúc vợ chồng ly thân đến nay. Thời điểm ông nộp đơn ly hôn con chung Phạm Thành S chưa đủ 18 tuổi nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Siêu. Nay hai con đều đã thành niên nên ông không yêu cầu giải quyết việc người trực tiếp nuôi con chung.

Về chia tài sản và nợ chung: vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Ông T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn bà Phan Thanh Kim H, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa họp lệ nhưng bà H không nộp văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: ông T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bà H, Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa họp lệ nhưng bà H không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông T và bà H.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Ông Phạm Văn T và bà Phan Thanh Kim H cưới nhau vào năm 2000, do tình hiếu tự nguyện, sau đó có đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/2002 tại UBND xã L, huyện C, thành phố H là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo ông T trình bày do trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hòa hợp, không nhường nhịn nhau nên cuộc sống chung không hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2004 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà H. Đối với bà H, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà H vẫn không đến Tòa án để giải quyết cho thấy bà H không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T.

[5]. Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông T và bà H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà H.

[6]. Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 26/4/2002 và Phạm Thành S, sinh ngày 13/7/2003; tại thời điểm xét xử vụ án hai con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập đến việc nuôi con chung.

[7]. Về tài sản chung và nợ chung ông T trình bày không có, bà H không có bất cứ ý kiến nào nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[8]. Về án phí: ông T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc ly hôn đối với bà Phan Thanh Kim H.

Về hôn nhân: ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Phan Thanh Kim H.

Về nuôi con chung: ông T và bà H có 02 con chung tên Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 26/4/2002 và Phạm Thành S, sinh ngày 13/7/2003 đều đã thành niên.

Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia Đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009596 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, ông T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang